

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 11 - 2019

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Thủy; Bà Lương Thị Tý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thế

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 N 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 N 2019 về: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 N 2019 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Lường Thị Đ, sinh N: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Bản Lun 1, xã Tà Mung, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: Ông Đèo Văn V, sinh N: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Bản Lun 1, xã Tà Mung, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Người làm chứng:

Ông Lường Văn C, sinh N: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Bản Lun 2, xã Tà Mung, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Anh Đèo Văn Th, sinh N: 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Bản Lun 1, xã Tà Mung, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 N 2019, các lời khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lường Thị Đ trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lường Thị Đ và ông Đèo Văn V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương sống chung với nhau từ tháng 01 N 1984 và được hai bên gia đình nhất trí và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Vì theo phong tục ông V phải ở rể 03 N mới được đón bà Đ về nhà chồng,

và chính thức tháng 12 N 1986 ông V mới đón bà Đ về nhà chồng. Khi về nhà chồng hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại bản Lun xã Tà Mung. Quá trình chung sống ông bà đã có với nhau được 05 người con, gia đình sống ôn hòa hạnh phúc sau này những N gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống bất đồng quan điểm sống, ông V thường xuyên uống rượu về mắng chửi đánh đập bà Đ, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được thôn bản hòa giải nhưng không có kết quả. Bà Đ nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Đèo Văn V.

Về nuôi con chung: Bà Đ và ông V có 05 con chung: Đèo Văn T, sinh ngày 05/6/1988. Đèo Thị N (nay đổi thành Lò Thị N), sinh ngày 10/5/1989 và Đèo Thị Lim (tên gọi khác Đèo Thị N1), sinh ngày 12/7/1991 và Đèo Thị Năm, sinh ngày 27/6/1993; Đèo Văn Th, sinh ngày 28 /3/1995 hiện nay các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các biên bản lời khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đèo Văn V trình bày.*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đ tự nguyện đến với nhau, không ai bị ép buộc, vợ chồng được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và không đăng ký kết hôn vợ chồng sống với nhau khó khăn vất vả nhưng vẫn hạnh phúc. Nhưng đến thời gian gần đây do ông hay uống rượu nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đôi khi xảy ra xô xát. Hiện nay ông và bà Đ đã sống ly thân được 01 N, tuy nhiên ông thấy vẫn còn tình cảm với vợ nên mong muốn Tòa án hòa giải để được đoàn tụ với nhau. Nên quan điểm của ông là không đồng ý ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có 05 con chung Đèo Văn T, sinh ngày 05/6/1988. Đèo Thị N (nay đổi thành Lò Thị N), sinh ngày 10/5/1989 và Đèo Thị Lim (tên gọi khác Đèo Thị N1), sinh ngày 12/7/1991 và Đèo Thị Năm, sinh ngày 27/6/1993; Đèo Văn Th, sinh ngày 28 /3/1995 hiện nay các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tà Mung xác định ông V bà Đ sống chung từ N 1984 không đăng ký kết hôn, xác minh tình trạng hôn nhân của ông bà tại thôn bản và được chính quyền địa phương xác nhận là bà Đ và ông V không đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông V hay uống rượu nên hai vợ chồng bất đồng với nhau, mặc dù tổ hòa giải thôn bản đã hòa giải nhưng không thành, vợ chồng vẫn mâu thuẫn với nhau và sống không hạnh phúc.

Tiến hành xác minh căn cước công dân tại công an xã Tà Mung về công dân bà Lương Thị Đ và ông Đèo Văn V có cư trú và sinh sống tại bản Lun 1 xã Tà

Mung huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. Hiện bà Đ và ông V không làm chứng minh nhân dân và xác minh ông Đèo Văn V sinh N 1968, bà Lường Thị Đ sinh N 1969.

Tại phiên tòa, đương sự Lường Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại các điều 131 - Luật Hôn nhân và gia đình N 2014; Các điều 11, 85, 87; 88; 89; 91 Luật hôn nhân và gia đình N 2000. Điểm a, c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình N 2000. Tại mục 1 thông T liên tịch số: 01/2001/TTLT -TANDTC -VKSNDTC -BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lường Thị Đ xử cho ly hôn. Về con chung, do các con chung đã thành niên có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung bà Đ và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị HĐXX xem xét miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn bà Lường Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Lường Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xác định bị đơn ông Đèo Văn V có nơi cư trú tại Bản Lun 1 xã Tà Mung huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu, và đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình về “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Lường Thị Đ và ông Đèo Văn V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ N 1984 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ tháng 12 N 1986, quá trình chung sống ông V bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên uống rượu nên hay mắng chửi bà, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa bà Đ vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với ông V. Về phía ông V thì cho

rằng mặc dù ông thường xuyên uống rượu và có thể xảy ra xô xát mâu thuẫn vợ chồng, ông V có hứa là khắc phục sửa chữa lỗi lầm và mong muốn được hàn gắn gia đình, vì tình cảm ông vẫn còn dành cho bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lương Thị Đ và ông Đào Văn V sống chung với nhau từ N 1984 cho đến tháng 12 N 1986 thì tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, mặc dù đã được chính quyền địa phương khuyến khích đi đăng ký kết hôn nhưng ông V bà Đ cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp Luật. Tại thời điểm xét xử ông V bà Đ cũng chưa đăng ký kết hôn vì vậy căn cứ vào điểm a, c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình hướng dẫn:

a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 01 tháng 01 N 1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình N 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình N 2000;

Tại Mục 1 thông T liên tịch số: 01/2001/TTLT -TANDTC -VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. Xác định ông V bà Đ làm lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ tháng 12 N 1986 và không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp nay bà Đ có yêu cầu ly hôn vì bà cho rằng tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[2] Về con chung: Ông V bà Đ có 05 con chung, hiện nay các con đã thành niên (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Lương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tuy nhiên bà Đ là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ - TTg ngày 28/4/2017 của Thủ Tớng chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Lai Châu, tại phiên tòa bà Lương Thị Đ đề nghị HĐXX xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Lương Thị Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 266, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 131 - Luật Hôn nhân và đình N 2014; Các điều 11, 85, 87; 88; 89; 91 Luật hôn nhân và gia đình N 2000.

- Điểm a, c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình N 2000. Mục 1 thông T liên tịch số: 01/2001/TTLT -TANDTC -VKSNDTC - BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lương Thị Đ được ly hôn với ông Đèo Văn V.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng cho bà Lương Thị Đ. *(Xác nhận bà Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0004404 ngày 04/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu).* Nay bà Đ được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự
- UBND xã Tà Mung, huyện Than Uyên;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

